|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **BỘ TÀI CHÍNH**––-– |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
|  |  | ------------------------------------------------ |
| Số: /2020/TT-BTC |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |
|  |  |  |

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, nộp phí xác minh giấy tờ tài liệu, lệ phí cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài**

--------------------------------------------

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, nộp phí xác minh giấy tờ tài liệu, lệ phí cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.*

**Điều 1. Mức thu phí, lệ phí**

1. Người nộp phí, lệ phí theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 259/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ tài liệu, lệ phí cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực hiện như sau:

a) Kể từ ngày tháng năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 thực hiện mức thu phí, lệ phí như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Mức thu** |
| 1 | Lệ phí cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài |  |
| a | Cấp mới | ~~5.000.000 đồng/lần~~[[1]](#footnote-1)***2.500.000 đồng/lần[[2]](#footnote-2)*** |
| b | Cấp đổi, cấp lại | ~~2.500.000 đồng/lần~~***1.250.000 đồng/lần*** |
| 2 | Phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiếp nhận lao động Việt Nam |  |
| a | Tại Đài Loan | 1.000 Đài tệ/hồ sơ |
| b | Tại Malaysia | 100 Ringgit/hồ sơ |
| 3 | Phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong nước  | ~~100.000 đồng/hồ sơ~~***50.000 đồng/hồ sơ*** |

Trong thời gian thực hiện mức thu phí, lệ phí quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Thông tư này thì không thực hiện mức thu phí, lệ phí theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 259/2016/TT-BTC.

b) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi thực hiện mức thu phí, lệ phí theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 259/2016/TT-BTC.

**Điều 2**. **Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Các nội dung khác liên quan đến người nộp, tổ chức thu phí, lệ phí; đối tượng được miễn nộp phí; kê khai, nộp phí, lệ phí; quản lý phí, lệ phí; chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 259/2016/TT-BTC.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **KT. BỘ TRƯỞNG** |
| - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Toà án nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Công báo; - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;- Lưu: VT, CST (CST5). | **THỨ TRƯỞNG** |
| **Vũ Thị Mai** |

1. Phần ngạch ngang là mức thu theo quy định hiện hành tại Thông tư số 259/2016/TT-BTC. [↑](#footnote-ref-1)
2. Phần in nghiêng đậm là mức thu sửa đổi so với quy định tại Thông tư số 259/2016/TT-BTC. [↑](#footnote-ref-2)